

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ – CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

-----

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường**

**1.1 Tên trường:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**1.2 Sứ mệnh:** Trường Đại Học Công Nghệ Sài Gòn đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với các trình độ: Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ; Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng công nghệ, có phẩm chất đạo đức tốt, có văn hóa, ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ giỏi phù hợp ngày càng cao nhu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội, của đất nước, của cộng đồng và nhu cầu học tập của nhân dân.

**1.3 Địa chỉ:** Số 180 Cao Lỗ, phường 4, Quận 8, TP. HCM.

**1.4 Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://www.stu.edu.vn>

**2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ đến thời điểm xây dựng đề án**

- Số chuyên ngành đào tạo: 01 (Công nghệ Thực phẩm)
- Tổng số sinh viên hiện đang đào tạo: 24
- Số đợt tuyển sinh trong năm: 1 đợt/năm vào tháng 9 -12 hàng năm.
- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển 03 môn (Toán cao cấp, Hóa học – Hóa sinh thực phẩm, Tiếng Anh)
- Thời gian đào tạo: 1,5 năm và có thể gia hạn thêm 2 năm.
- Hình thức đào tạo: tập trung.

**Bảng 1. Số liệu về quy mô đào tạo thạc sĩ tính đến 31/12/2016**

TT	Nội dung	2016
1.	Chi tiêu	33
2.	Tổng số học viên tuyển mới	24
3.	Tổng số học viên tốt nghiệp	/

## II. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH

**1. Đối tượng tuyển sinh:** Người dự thi cần đáp ứng một số điều kiện sau:

### 1.1 Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Công nghệ Thực phẩm.
- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành Công nghệ Sau thu hoạch, Công nghệ Chế biến Thủy sản và đã học bổ sung kiến thức 3 môn (*6 tín chỉ*) như sau:

STT	Môn học chuyên đổi	Số tín chỉ
1	Hóa học – Hóa sinh thực phẩm	02
2	Vi sinh thực phẩm	02
3	Công nghệ chế biến thực phẩm	02
<b>Tổng cộng</b>		<b>06</b>

**Ghi chú:** Người có bằng tốt nghiệp đại học theo các chương trình đào tạo liên kết của Cơ sở đào tạo trong nước với nước ngoài (*bằng tốt nghiệp do trường nước ngoài cấp*) ngoài các điều kiện nêu trên phải có giấy chứng nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 1.2 Điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Thông báo này.

**2. Phạm vi tuyển sinh:** Toàn quốc.

**3. Phương thức tuyển sinh:** thi tuyển 03 môn (Toán cao cấp, Hóa học – Hóa sinh thực phẩm, Tiếng Anh)

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 35 chỉ tiêu.

### 5. Chính sách ưu tiên

#### 5.1 Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (KVI) trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 (KVI);
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

### **5.2 Mức ưu tiên**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 (mười) điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100). Nếu thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ, cộng 1 (một) điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi do Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn quy định.

**Ghi chú:** Mọi trường hợp bổ sung hồ sơ đối tượng ưu tiên sau ngày thi tuyển đều không được chấp nhận.

### **6. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển**

- Phí hồ sơ: 100.000 VNĐ/hồ sơ.
- Phí dự thi: 360.000 VNĐ/thí sinh.

**7. Học phí dự kiến:** 17.000.000đ/học kỳ.

### **8. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ cao học**

- Địa chỉ website của trường: <http://www.stu.edu.vn>
- Email: [sdh@stu.edu.vn](mailto:sdh@stu.edu.vn)
- Điện thoại: 028.3850.5520 – 206; 028.3850.8870

## **III. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

### **1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

#### **1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá**

- Tổng diện tích đất của trường: 20.000 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp: 28.000 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 500 chỗ.

**Bảng 2. Cơ sở hạ tầng của Trường**

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng</b>
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2 phòng	1.115 m <sup>2</sup>
2.	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	22 phòng	2.980 m <sup>2</sup>
3.	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	40 phòng	3.319 m <sup>2</sup>
4.	Phòng học dưới 50 chỗ	16 phòng	931 m <sup>2</sup>
5.	Phòng học đa phương tiện	53 phòng	3.435 m <sup>2</sup>
6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên	9 phòng	270 m <sup>2</sup>
7.	Thư viện, trung tâm học liệu	6 phòng	686 m <sup>2</sup>
8.	Phòng thực hành, thí nghiệm	74 phòng	9.937 m <sup>2</sup>

**1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị phục vụ cho ngành đào tạo**

**Bảng 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho ngành đào tạo**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Số phòng thực hành, thí nghiệm	6
-	Phòng Thí nghiệm Khoa học Thực phẩm	1
-	Phòng đánh giá Cảm quan	1
-	Phòng Công nghệ Sinh học	1
-	Phòng Kỹ thuật Thực phẩm	1
-	Phòng Chế biến Thực phẩm	1
-	Phòng Phát triển Sản phẩm	1
2.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	2
3.	Tổng số thư viện điện tử ở nước ngoài được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo	4
4.	Tổng số thư viện điện tử ở trong nước được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo	4
5.	Tổng số đầu sách tham khảo phục vụ các ngành đào tạo:	666
	<i>Trong đó Bản cứng</i>	666
	<i>Bản điện tử</i>	0

	<i>Bản in và điện tử</i>	0
6.	Số tạp chí phục vụ các ngành đào tạo:	10
	<i>Trong đó Bản cứng</i>	3
	<i>Bản điện tử</i>	7
	<i>Bản in và điện tử</i>	0

## 2. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chủ trì, giảng dạy ngành đào tạo trình độ thạc sĩ
1.	Hoàng Kim Anh	Phú Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
2.	Trần Quang Hiếu		Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
3.	Lưu Duẩn	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Công nghệ Thực phẩm
4.	Trần Bách Lam		Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
5.	Đông Thị Thanh Thu	Phú Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
6.	Nguyễn Duy Thịnh	Phú Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
7.	Kwan Hwa Park	Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm

Ngày 22 tháng 02 năm 2017

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**PGS. TS. Cao Hào Thi**